

Bản án số: 219/2018/DS-PT

Ngày: 29 - 11 - 2018

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu;

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/DS-PT, ngày 18 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2018/QĐXX-DSPT ngày 22 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 204/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2018; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 1289/TB-TA ngày 19 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1948, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1949, địa chỉ cư trú: Khóm TH, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

1.3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1950, địa chỉ cư trú: Ấp CC, xã VT, thành phố CD, tỉnh AG (vắng mặt).

1.4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952, địa chỉ cư trú: Ấp TBH, xã Nhơn Hưng, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp ĐT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG (Theo Giấy ủy quyền ngày 30/7/2014 và Giấy ủy quyền ngày 27/3/2015) (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hứa Hoàng C – là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng C thuộc Đoàn Luật sư Tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970 (có mặt).

2.2. Bà Lâm Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị T: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970 (theo Giấy ủy quyền ngày 06/10/2017) (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp DT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1948, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp DT, xã TS, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

3.2. Bà Phạm Thị K1, sinh năm 1953 (chết). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K1, gồm:

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1934, địa chỉ cư trú: Tổ 7, khóm HH, thị trấn NB, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1948 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (có mặt).

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn Dũng E, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp DT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG.

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: Số 327 đường Hoàng Đạo Cật, khóm VT2, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Tổ 8, Khóm 2, thị trấn Chi Lăng, huyện TB, tỉnh AG (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông P, bà M, chị T, chị H1, chị N, chị T2, chị M, anh Dũng E: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp DT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG (có mặt).

3.3. Anh Nguyễn Văn Tấn K2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.4. Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh K2 và anh Đ: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970 (theo Giấy ủy quyền ngày 06/10/2017) (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp DT, xã TS, huyện TB, tỉnh AG.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị An, Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị An, bà Nguyễn Thị H (sau đây gọi tắt là các nguyên đơn) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đồng (là cha của các nguyên đơn) được thừa hưởng diện tích đất khoảng 11.000 m² của cha mẹ là Cụ Kim và Cụ Huê. Do ông Đồng đi kháng chiến nên ông Đồng giao 11.000 m² đất lại cho ông Nguyễn Văn Cắc (sau đây gọi tắt là ông Cắc) là cha của Nguyễn Văn Dồi và Nguyễn Văn C1 (sau đây gọi tắt là ông Dồi, ông C1) trông coi. Ông Cắc con của ông Tảo, ông Tảo là anh ruột của ông Đồng.

Sau đó, ông Đồng để đất lại cho ông P nên ông P được cấp quyền sử dụng đất được một phần, còn lại khoảng 2.000m² đất ở chưa được cấp quyền sử dụng đất, trên đất có 03 căn nhà, gồm: nhà của ông P, nhà của ông Dồi và nhà của ông C1. Ông Đồng cho ông Dồi và ông C1 cất nhà ở nhờ từ năm 1976, diện tích mỗi căn nhà là ngang 9m x dài 12m.

Năm 2013, ông C1 tự ý cắm trụ đá, làm hàng rào chiếm thêm diện tích 800m² và yêu cầu đo đạc xin cấp quyền sử dụng đất. Ông P tranh chấp nên ông C1 không được cấp quyền sử dụng đất.

Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 và bà Lâm Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) phải di dời nhà trả lại diện tích 604,3m² đất, vị trí đất theo Bản trích đo địa chính ngày 25/02/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên.

Theo đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông C1 và bà T trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của Cụ Kim để lại. Năm 1976, ông Cắc cất nhà ở, ông C1 sống chung nhà với ông Cắc. Đến khi ông C1 kết hôn với bà T thì cùng chung sống tại căn nhà của ông Cắc cho đến nay.

Căn nhà có diện tích ngang 10 x dài 10m, ngoài ra, có cất chuồng trại nuôi bò, khi bán hết bò thì tháo dỡ chuồng trại, nên xây dựng nhà vệ sinh và công trình phụ khác. Quá trình sử dụng đất, ông P có thống nhất mốc ranh nên ông, bà có xây bờ kè đá phía sau và làm hàng rào phía trước nhà, thời gian xảy ra tranh chấp, ông, bà xây dựng hàng rào lưới B40 liền ranh với căn nhà của ông P.

Nay ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận cho ông, bà được quyền sử dụng diện tích 604,3m² đất, vị trí đất theo Bản trích đo địa chính ngày 25/02/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên.

Căn nhà ông, bà đang sử dụng có lấn qua phần đất của ông P diện tích là 9,2m². Nay ông, bà tự nguyện trả lại cho ông P diện tích 9,2m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông P và bà K1.

Theo đơn khiếu kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông P cùng các con của ông P, gồm: anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn Dũng E trình bày:

Ông C1 và bà T cất nhà lấn qua phần đất của ông P và bà Phạm Thị K1 (sau đây gọi tắt là bà K1) diện tích 9,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P và bà K1 đứng tên. Nay ông P cùng các thừa kế của bà K1 yêu cầu ông C1 và bà T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 9,2m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Tấn K2 và anh Nguyễn Văn Đ không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C1, bà Lâm Thị T tháo dỡ, di dời nhà trả lại diện tích 604,3m² đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận ông Nguyễn Văn C1, bà Lâm Thị T được quyền sử dụng diện tích 604,3m² đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Bản trích do địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 25/02/2016 và ngày 23/7/2018.

- Ông Nguyễn Văn C1, bà Lâm Thị T có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 604,3m².

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Nguyễn Văn C1, bà Lâm Thị T tự nguyện trả lại diện tích 9,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02661Ek ngày 15/10/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị K1, đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo Bản trích do địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 25/02/2016 và ngày 23/7/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2018, ông P, bà K, bà A, bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc phẩm giải quyết buộc ông C1 và bà T phải trả lại phần đất trống; phần đất đã cất nhà trả bằng giá trị.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Bị đơn ông C1 và ông C1 đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày:* Yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- *Anh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Thống nhất phần bản án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của ông C1, bà T đồng ý trả lại diện tích 9,2m² đất.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Đồng được thừa hưởng của Cụ Kim, bị đơn ở nhờ trên đất của ông Đồng là cha của các nguyên đơn. Theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017, các thành viên của Hội đồng đều đề nghị ông C1 trả lại cho các nguyên đơn phần đất trống, biên bản này là chứng cứ chứng minh quyền lợi của các nguyên đơn nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 để làm cơ sở chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hợp tình, hợp lý hoặc dành cho các nguyên đơn quyền khởi kiện vụ án khác về yêu cầu đòi giá trị đất.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên; các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của các nguyên đơn trong thời hạn pháp luật quy định và các nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tỉnh Biên ngày 23/7/2018 thể hiện đầy đủ, chi tiết vị trí, diện tích khu đất tranh chấp và được các đương sự thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tỉnh Biên ngày 23/7/2018 để giải quyết vụ án.

[2.2]. Các đương sự thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp là của Cụ Kim và Cụ Huê (là Cụ Nội của nguyên đơn, Cụ Cố của bị đơn) và thống nhất đất tranh chấp diện tích là 604,3m² do ông C1 và bà T đang quản lý, sử dụng.

[2.3]. Theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, gồm: Biên bản xác minh ông Trần Hoàng Quân do Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên lập ngày 18/11/2015 và ngày 14/8/2018; Biên bản xác minh ông Triệu Văn Lợi do Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên lập ngày 18/11/2015; Biên bản xác minh ông Nguyễn Quốc Việt do Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên lập ngày 14/8/2018; Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017; Công văn số 2152/UBND – NC ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên, đều thể hiện nguồn gốc đất đang tranh chấp là của Cụ Kim và Cụ Huê (là ông, bà của nguyên đơn và bị đơn) để lại. Từ trước năm 1975, ông Cắc là cha của ông C1 đã có công quản lý và gìn giữ đất; đến năm 1976, ông Cắc sử dụng cất nhà ở, quá trình ông Cắc sử dụng đất, có ông C1 cùng chung sống với ông Cắc, đến khi ông Cắc qua đời, ông C1 cùng vợ là bà T tiếp tục quản lý, sử dụng đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là anh D xác nhận rằng: khi ông Đồng còn sống (trước năm 1999), ông Đồng không tranh chấp, không yêu cầu gia đình ông C1 di dời nhà trả đất.

[2.3]. Quá trình gia đình ông C1 xây dựng nhà ở, chuồng trại chăn nuôi và trồng nhiều loại cây ăn trái trên diện tích 604,3m² đất; xây dựng hàng rào phân định ranh giới sử dụng diện tích 604,3m² đất với phần đất thuộc quyền sử dụng của ông P và anh D liền kề, đây là sự việc công khai, liên tục, lâu dài nhưng các nguyên đơn không phản đối, không tranh chấp.

Như vậy, từ năm 1976 đến thời điểm xảy ra tranh chấp là năm 2013, gia đình ông C1 là người đang chiếm hữu ngay tình, liên tục, công khai và đã sử dụng ổn định diện tích 604,3m² đất trên 30 năm và không vi phạm pháp luật về đất đai.

[2.4]. Ý kiến của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất là Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên thể hiện tại Công văn số 2152/UBND – NC ngày 28/6/2016 cho biết như sau: để công nhận quyền sử dụng đất cho anh D (đại diện của ông P), ông Dôi, ông C1 thì căn cứ vào thực tế quá trình sử dụng đất từ trước đến nay của 03 hộ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, các nguyên đơn không có quá trình sử dụng diện tích 604,3m² đất đang tranh chấp; tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn khai nhận rằng: các nguyên đơn không có quá trình sử dụng diện tích 604,3m² đất đang tranh chấp.

Như vậy, các nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh diện tích 604,3m² đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của các nguyên đơn. Đồng thời, các nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh về việc cho ông C1, bà T xây dựng nhà ở nhờ trên diện tích 604,3m² đất đang tranh chấp.

[2.5]. Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi của các nguyên đơn: Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 thể hiện ý kiến của thành viên cấp xã, không phải là ý kiến của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Vì vậy, Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 là tài liệu tham khảo về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đang tranh chấp. Do đó, Biên bản họp Hội đồng tư vấn của Ủy ban nhân dân xã Thới Sơn ngày 13/10/2017 không phải là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng diện tích 604,3m² đất là có căn cứ theo quy định tại Điều 180, Điều 182, Điều 183, Điều 191, khoản 7 Điều 221, Điều 236 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.6]. Các nguyên đơn kháng cáo nhưng không giao nộp, cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và ý kiến đề nghị của Luật sư bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

[3]. Việc Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên công nhận sự tự nguyện của ông C1, bà T về việc giao trả cho ông P và các thừa kế của bà K1 diện tích 9,2m² đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông P và bà K1 là phù hợp pháp luật.

[4]. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên cần rút kinh nghiệm các trường hợp sau đây:

[4.1]. Các nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi, nhưng hồ sơ vụ án không có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm của các nguyên đơn là không đúng theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4.2]. Bà K1 chết năm 2009; ngày 19/6/2015 các nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án; ngày 03/7/2015 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Như vậy, bà K1 đã chết trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà K1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Lẽ ra, phải đưa những người còn sống thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà K1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quyền lợi của bà K1.

[4.3]. Về chi phí tố tụng: Cấp sơ thẩm có tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá và có hóa đơn, chứng từ về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết phần chi phí tố tụng về đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trong vụ án đều xác nhận không tạm ứng chi phí tố tụng về đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phần chi phí tố tụng, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét chi phí tố tụng.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, nhưng các nguyên đơn không nộp đơn đề nghị Tòa án miễn án phí dân sự phúc thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông P, bà K, bà An, bà H, mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 và bà Lâm Thị T tháo dỡ, di dời nhà trả lại diện tích 604,3m² đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C1 và bà Lâm Thị T. Công nhận cho ông Nguyễn Văn C1 và bà Lâm Thị T được quyền sử dụng diện tích 604,3m² đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Vị trí đất theo Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018.

- Ông Nguyễn Văn C1 và bà Lâm Thị T có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước kê khai, đăng ký cấp quyền sử dụng đất diện tích 604,3m² theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Nguyễn Văn C1 và bà Lâm Thị T tự nguyện trả lại cho ông Nguyễn Văn P và các thừa kế của bà Phạm Thị K1 diện tích 9,2m² đất tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02661 Ek ngày 15/10/2007 do Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Phạm Thị K1. Vị trí đất theo Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018.

(có kèm Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên ngày 23/7/2018).

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H.

- Ông Nguyễn Văn P được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ theo Biên lai thu số 0005953 ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Ông Nguyễn Văn C1 được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo Biên lai thu số 0011493 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Ông Nguyễn Văn P được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo Biên lai thu số 0015887 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên (do anh Nguyễn Văn D đại diện theo ủy quyền nhận).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009419 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009420 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009421 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009422 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Ngọc Phi